

Bản án số: 179/2017/DS-PT.

Ngày: 27-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các thẩm phán: Bà Ngô Thị Minh Trang

Ông Nguyễn Thành Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phan Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2017/TLPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án sơ thẩm số: 12/2017/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2017/QĐPT-DS ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Trọng C, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Đường A, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Đào Ngọc X, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp D, xã D, huyện E, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đào Ngọc X.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Đinh Trọng C trình bày:

Ngày 01/12/2016 ông X có đến gia đình ông hỏi vay 150.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay vài tháng trả gốc và lãi, nhưng đến nay vẫn chưa

trả. Nay ông yêu cầu ông X trả cho ông 151.500.000 đồng vốn và lãi, tính lãi suất 1%/tháng từ tháng 02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn ông Đào Ngọc X trình bày:

Ngày 01/12/2016 ông có nhận được điện thoại của mẹ ông là bà Phạm Thị N kêu ông ra nhà ông Đinh Trọng C lấy số tiền 150.000.000 đồng đem qua xã G, huyện H cho mẹ ông nên ông lấy xe chạy ra nhà ông C lấy số tiền đó cho mẹ ông, khi lấy tiền ông C bắt ông viết và ký vào tờ giấy là có nhận số tiền đó. Ông C đưa tiền cho ông thì ông nhận rồi đem về đưa lại cho mẹ ông, ông không vay tiền của ông C nên không đồng ý trả.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2017/DS-ST ngày 13/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn ông Đinh Trọng C đối với bị đơn ông Đào Ngọc X.

Buộc ông X phải có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền 159.650.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 27/6/2017 ông Đào Ngọc X có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm: Ông không chấp nhận bản án của Tòa án cấp sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm điều tra lại vụ việc vì có những bằng chứng mới cung cấp.

Ngày 09/8/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang kháng nghị bản án với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất 1%/tháng trên số tiền gốc 150.000.000 đồng từ ngày vay đến ngày xử sơ thẩm bằng 9.650.000 đồng là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Trường hợp này phải áp dụng khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 để tính lãi suất.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 13/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện E theo hướng trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị đơn ông X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông X cung cấp sổ tay trong đó có trang ghi nội dung “ngày 01-12-2016 nhờ X ra nhà cô tư lấy dùm mẹ 150 triệu đồng của chú Đinh Trọng C đưa, đã nhận đủ tiền” nhưng không ghi tên và ký tên người viết, ông X xác định đây là chữ viết của bà N là mẹ ông, tại cấp sơ thẩm ông chưa nộp chứng cứ này. Khi giải quyết tại cấp sơ thẩm và đến thời gian này mẹ ông không có mặt tại địa phương.

Nguyên đơn ông C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông X trả số tiền vay 150.000.000 đồng, tiền lãi 1.500.000 đồng và trả lãi 1%/tháng trên số nợ

gốc 150.000.000 đồng từ tháng 2/2017 đến khi trả xong. Không thống nhất tính lãi theo quy định pháp luật như kháng nghị của Viện Kiểm sát, yêu cầu giữ y bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ nguyên kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, do bị đơn thừa nhận có nhận của ông C số tiền 150.000.000 đồng và có ký nhận nợ, đến thời điểm tranh chấp bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Bị đơn cho rằng nhận tiền dùm mẹ ruột là không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên về tiền lãi Bản án sơ thẩm buộc ông X trả lãi 1%/tháng trên số tiền gốc là không phù hợp, ông X nhận tiền của ông C vào ngày 01/12/2016 thì khi xảy ra tranh chấp phải áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết. Về số tiền lãi tại giấy nhận nợ không thể hiện lãi suất vay, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất 1%/tháng trên số tiền gốc 150.000.000 đồng từ ngày vay đến ngày xử sơ thẩm bằng 9.650.000 đồng là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng quyền lợi của bị đơn. Trong trường hợp này phải áp dụng khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 để tính lãi suất.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án huyện E về phần lãi suất bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn và tính lại án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Đào Ngọc X yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại vụ kiện lý do có chứng cứ mới. Tại phiên tòa phúc thẩm Ông X cung cấp cuốn sổ tay trong đó có trang ghi nội dung “ngày 01-12-2016 nhờ X ra nhà cô tư lấy dùm mẹ 150 triệu đồng của chú Đình Trọng C đưa, đã nhận đủ tiền” nhưng không ghi tên và ký tên người viết. Ông C không thừa nhận ông X nhận 150.000.000 đồng thay cho bà N theo nội dung giấy ghi do ông X cung cấp. Ông X cho rằng hiện nay mẹ ông là bà N không có mặt tại địa phương nên không đến Tòa án để đối chất với nguyên đơn.

[2] Xét thấy bị đơn ông Đào Ngọc X thừa nhận có viết vào tờ giấy nhận tiền ghi ngày 01/12/2016 và đã nhận số tiền 150.000.000 đồng do ông C giao nhưng cho rằng nhận giùm cho mẹ ông là bà N. Tuy nhiên căn cứ giấy nhận tiền trên do nguyên đơn cung cấp nội dung không thể hiện ông X nhận số tiền 150.000.000 đồng giùm bà N, lời trình bày của bị đơn cho rằng nhận tiền giùm bà N không được nguyên đơn thừa nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng

không cung cấp được chứng cứ hợp pháp chứng minh lời trình bày của bị đơn là có căn cứ. Nếu bị đơn có chứng cứ hợp pháp chứng minh số tiền 150.000.000 đồng trên nhận giùm bà N không phải tiền vay tiền của nguyên đơn thì bị đơn có quyền khởi kiện bà N thành vụ kiện khác. Cấp sơ thẩm xử buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc 150.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Tuy nhiên cấp sơ thẩm căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 01/12/2016 đến ngày xử sơ thẩm với số tiền 9.650.000 đồng là chưa đúng. Do các bên xác lập thực hiện giao dịch ngày 01/12/2016 trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết. Tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”. Căn cứ Quyết định số 2868 ngày 29/10/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm. Do đó số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn được tính lại như sau: $150.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 6 \text{ tháng} = 7.237.500 \text{ đồng}$. Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: $150.000.000 \text{ đồng} + 7.237.500 \text{ đồng} = 157.237.500 \text{ đồng}$.

Do đó trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện E về phần lãi suất và án phí.

Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Ông X phải nộp án phí trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận là: $157.237.500 \text{ đồng} \times 5\% = 7.861.875 \text{ đồng}$.

Ông C phải nộp án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu bị đơn trả lãi suất bị bác là 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu của cơ quan thi hành án.

Án phí phúc thẩm: Bị đơn ông X không phải chịu do bản án sơ thẩm bị cải sửa, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền của cơ quan thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đào Ngọc X.

- Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2017/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn ông Đinh Trọng C đối với bị đơn ông Đào Ngọc X.

Xử buộc ông X phải có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền 157.237.500 (một trăm năm mươi bảy triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng. Trong đó nợ gốc 150.000.000 đồng, lãi 7.237.500 đồng.

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông X không trả số tiền trên cho ông C thì còn phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Ông X phải nộp án phí trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận là 7.861.875 (bảy triệu tám trăm sáu mươi một nghìn tám trăm bảy mươi lăm) đồng.

Ông C phải nộp án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu bị đơn trả lãi suất bị bác là 300.000 đồng, khấu trừ 3.787.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009843 ngày 08/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, ông C được nhận lại 3.487.500 (ba triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

Án phí phúc thẩm: Bị đơn ông X không phải chịu do bản án sơ thẩm bị cải sửa, được nhận lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007522 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hương

